TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2023/DS-PT
Ngày: 09 -11-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 323/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 285/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn 6, xã C, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Thôn 6, xã C, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trước đây, giữa bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T có vay mượn tiền nhiều lần, đến ngày 01 tháng 01 năm 2018 (âm lịch) sau khi chốt lại toàn bộ số tiền mà bà T còn nợ thì hai bên đã làm lại giấy vay tiền với nội dung bà Nguyễn Thị T còn nợ của bà N số tiền là 70.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi suất. Tổng số tiền mà bà T còn nợ bà N là 95.000.000 đồng và hẹn đến năm 2019 thì sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Toàn bộ giấy vay tiền đều do bà Nguyễn Thị T viết và ký nhận. Khi đến hẹn bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T vẫn không chịu trả. Trong quá trình vay thì bà Nguyễn Thị T có trả được cho bà N số tiền lãi là 10.000.000 đồng, từ đó đến nay bà T chưa trả cho bà N bất cứ khoản tiền nào nữa. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời gian vay 01/01/2018 âm lịch đến khi bà T trả hết toàn bộ số nợ cho tôi với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Ngoài ra bà N không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và bà Nguyễn Thị N có quen biết và sau đó thì hai bên có vay mượn tiền với nhau, cụ thể: Vào năm 2014, bà T có mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng, đến năm 2015 bà T đã trả được cho bà N số tiền 10.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 29 tháng 7 năm 2016 âm lịch tôi đã trả số tiền còn lại 20.000.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền lãi suất, khi trả hai bên có làm giấy tờ với nhau. Đến ngày 01/01/2018 âm lịch bà Nguyễn Thị N có qua nhà bà T nói với bà T là giấy trả tiền bị thất lạc và yêu cầu bà T viết lại giấy nợ tiền mới, do lúc đó bà T bị thất lạc giấy trả nợ (ngày 29 tháng 7 năm 2016 âm lịch) cho bà N, nên bà T đã viết lại giấy nhận nợ mới với tổng số tiền là 95.000.000 đồng (đây toàn bộ là số tiền lãi). Thực chất bà T đã trả cho bà N vào năm 2016 toàn bộ số nợ và không còn nợ bà N bất cứ khoản tiền nào nữa.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà T trả toàn bộ số nợ là 70.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật đối với giấy nợ tiền vào năm 2018 thì bà T không đồng ý, vì bà T không còn nợ bà N bất cứ khoản tiền nào nữa. Giấy nhận nợ vào năm 2018 là do bà T viết và ký nhận, phía dưới có ghi chú nội dung "khi tôi tìm được giấy trả nợ vào năm 2016 thì tôi sẽ đưa cho bà N sau". Yêu cầu bà N phải cung cấp nguyên tờ giấy đó cho Tòa án xem xét và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST, ngày 06/7/2023 của Tòa án

nhân dân Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/7/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST, ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T có quan hệ vay mượn tiền với nhau. Đến ngày 01 tháng 01 năm 2018 (âm lịch) hai bên đã thống nhất chốt lại toàn bộ số tiền mà bà T đang còn nợ bà N và tiến hành làm lại giấy vay tiền với nội dung bà Nguyễn Thị T còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền là 70.000.000 đồng tiền gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi suất, tổng số tiền mà bà T nợ bà N là 95.000.000 đồng và hẹn đến năm 2019 thì sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho bà N. Toàn bộ giấy vay tiền đều do bà Nguyễn Thị T viết và ký nhận. Trong quá trình vay thì bà Nguyễn Thị T có trả được cho bà N số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng: Vào năm 2014 bà có mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng, đến năm 2015 bà T có trả cho bà N số tiền 10.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 20.000.000 đồng và khi trả hai bên có làm giấy tờ với nhau. Đến ngày 01/01/2018 âm lịch, bà Nguyễn Thị N có qua nhà bà T và yêu cầu bà T viết lại giấy nhận tiền mới, nhưng do lúc đó bà T đã làm mất giấy trả nợ vào tháng 7 năm 2016 cho bà N. Bà N yêu cầu bà T viết lại giấy nợ mới với tổng số tiền là 95.000.000 đồng (đây là toàn bộ số tiền lãi). Bà T cho rằng bà đã trả cho bà N vào năm 2016 toàn bộ số nợ và không còn nợ bà N bất cứ khoản tiền nào nữa.

Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng: Bà Nguyễn Thị T cho rằng bà đã trả hết số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị N từ năm 2016, còn việc bà viết và ký giấy nợ vào ngày 01/01/2018 âm lịch là do bà N yêu cầu và ép buộc bà viết giấy nhận nợ. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà T không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc bà T đã trả hết số tiền nợ cho bà N và cũng không chứng minh được có sự việc bà N ép buộc bà T viết giấy nhận nợ. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS Thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh